Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa
Email: ubnd@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa
Ngày ký: 19-06-2018 16:28:38 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1713 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1106/TTr-SGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT.HĐND tỉnh; Ban PC HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phòng KSTTHC;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HTh, DL.

CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					
1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục. (BGD-KHA-285372)	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục. (BGD-KHA-285373)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại. (BGD-KHA-285375)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở (BGD-KHA-	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều

	285374)	hợp lệ.	UBND cấp huyện.		kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
5	Giải thể trường trung học cơ sở. (BGD-KHA-285376)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú. (BGD-KHA-285388)	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
7	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục. (BGD-KHA-285389)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
8	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú. (BGD-KHA-285390)	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
9	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú. (BGD-KHA-285391)	Không quy định.	UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

10	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục. (BGD-KHA-285383)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục. (BGD-KHA-285384)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại. (B-BGD-285387-TT)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
13	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học. (BGD-KHA-285385)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
14	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học). (BGD-KHA-285386)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

15	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng. (BGD-KHA-285370)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
16	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại. (BGD-KHA-285371)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
17	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở. (BGD-KHA-285377)	Không quy định.	UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
18	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục. (BGD-KHA-285392)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
19	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực

	thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ tư thục. (BGD-KHA-285378)				giáo dục.
20	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục. (BGD-KHA-285379)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
21	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (BGD-KHA-285382).	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
22	Sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (BGD-KHA-285380)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
23	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập). (BGD-KHA-285381)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

24	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở. (BGD-KHA-285284)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.
25	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. (BGD-KHA-285279)	Thời điểm báo cáo số liệu thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hàng năm được quy định như sau: Đối với xã: ngày 30/9; đối với huyện: ngày 5/10; đối với tỉnh: ngày 10/10. Tỉnh hoàn thành việc kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trước ngày 30/12 hàng năm.	UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; - Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.
26	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã. (BGD-KHA-285282)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã.

27	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu. (BGD-KHA-285280)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.
28	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập. (BGD-KHA-285267)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 08/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về trình tự, thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công, dân lập sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thục; cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập; cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.
29	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập. (BGD-KHA-285266)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT ngày 08/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về trình tự, thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công, dân lập sang cơ sở

					giáo dục mầm non, phổ thông tư thục; cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập; cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.
30	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở. (BGD-KHA-285268)	Không quy định.	- Đối với học sinh chuyển trường trong cùng tỉnh: Hiệu trưởng nhà trường nơi đến tiếp nhận hồ sơ và xem xét, giải quyết theo quy định của Giám đốc sở giáo dục và đào tạo. - Đối với học sinh chuyển trường đến từ tỉnh, thành phố khác: Phòng giáo dục và đào tạo nơi đến tiếp nhận và giới	Không	Quyết định 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

			thiệu về trường theo nơi cư trú, kèm theo hồ sơ đã được kiểm tra.		
31	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở. (BGD-KHA-285274)	Không quy định.	Cơ sở giáo dục.	Không	Thông tư số 17/2003/TT-BGDĐT ngày 28/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn Điều 3, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 88/2001/NĐ-CP ngày 22/11/2001 của Chính phủ về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
32	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học. (BGD-KHA-285281)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cụ thể: - Hiệu trưởng trường nơi chuyển đến có ý kiến đồng ý tiếp nhận vào đơn: 01 ngày; - Hiệu trưởng trường nơi chuyển đi có trách nhiệm trả hồ sơ cho học sinh: 03 ngày; - Hiệu trưởng	Cơ sở giáo dục	Không	- Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 40; bổ sung Điều 40a của Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học; - Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường

		trường nơi đến tiếp nhận và xếp học sinh vào lớp: 01 ngày.			tiểu học.
33	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. (BGD-KHA-285399)	- Thời hạn xét, duyệt học sinh được hưởng chính sách: 08 ngày làm việc, trong đó Phòng Giáo dục và Đào tạo: 05 ngày; UBND cấp huyện: 03 ngày. - Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hàng tháng. - Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 2 lần/học kỳ.	Phòng Giáo dục và Đào tạo.	Không	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
34	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.	- Các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Các cơ sở	- Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ	Không	Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

	(BGD-KHA-285403)	giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.	sở); - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội (đối với học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học).		
35	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục. (BGD-KHA-285297)	- Lần 1 chi trả vào tháng 9 hoặc tháng 10, tháng 11; - Lần 2 chi trả vào tháng 3 hoặc tháng 4, tháng 5.	- Phòng Giáo dục và đào tạo (đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp huyện quản lý); - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội (đối với người khuyết tật có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện, đang học tập tại các	Không	Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

			cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước).		
36	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên. (BGD-KHA-285239)	- Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập: Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được cấp đủ trong 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả đủ 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4. - Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người	- Phòng Giáo dục và Đào tạo: Đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học. - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: Đối với học sinh, sinh viên học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.	Không	- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; - Nghị định số 86/2015/NĐ-CP 02/10/2015 của Chính phủ.

		học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước: Kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cấp đủ trong 9 tháng/năm học (đối với học sinh mầm non và phổ thông), 10 tháng/năm học (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và thực hiện 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả đủ 4 tháng (đối với học sinh mầm non và phổ thông), 5 tháng (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học)			

		vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả đủ 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4. Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, học sinh, sinh viên chưa nhận tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.			
37	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú. (BGD-KHA-285294)	Theo đợt, trước khi khai giảng năm học, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyển sinh đối với trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện đào tạo cấp trung học cơ sở.	Không	Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/01/2016 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.
38	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc. (BGD-KHA-	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết của UBND	Không	Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 08/9/2015 ban

	285248)	tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 03 (ba) giờ chiều. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến; Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều sổ gốc, yêu cầu số lượng nhiều bản sao, nội dung văn bằng, chứng chỉ phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn cấp bản sao được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể	cấp huyện.		hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

		dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu cấp bản sao.			
39	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ. (BGD-KHA-285250)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không	Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 08/9/2015 ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tụchành chính
1	T-KHA-264724-TT	Thành lập nhà trường, nhà trẻ
2	T-KHA-264725-TT	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ
3	T-KHA-264726-TT	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ
4	T-KHA-264727-TT	Giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ
5	T-KHA-264728-TT	Thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học
6	T-KHA-264729-TT	Cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học
7	T-KHA-264730-TT	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học
8	T-KHA-264731-TT	Giải thể trường tiểu học
9	T-KHA-264732-TT	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn
10	T-KHA-264733-TT	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia
11	T-KHA-264734-TT	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia
12	T-KHA-264735-TT	Thành lập, cho phép thành lập trường trung học cơ sở
13	T-KHA-264736-TT	Cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở
14	T-KHA-264737-TT	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở
15	T-KHA-264738-TT	Giải thể trường trung học cơ sở
16	T-KHA-264739-TT	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập
17	T-KHA-264740-TT	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập.

18	T-KHA-264741-TT	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
19	T-KHA-264742-TT	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục
20	T-KHA-264743-TT	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục
21	T-KHA-264986-TT	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thục
22	T-KHA-264987-TT	Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thục
23	T-KHA-264988-TT	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS
24	T-KHA-264989-TT	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS
25	T-KHA-264990-TT	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập
26	T-KHA-264991-TT	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục
27	T-KHA-264992-TT	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ dân lập
28	T-KHA-264993-TT	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập
29	T-KHA-264994-TT	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
30	T-KHA-264995-TT	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non
31	T-KHA-264996-TT	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu
32	T-KHA-264997-TT	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
33	T-KHA-264998-TT	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã
34	T-KHA-264999-TT	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở
35	T-KHA-265000-TT	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở